

Số: ~~1111~~./23/CV-DNP
V/v: Thay đổi SDK sản phẩm
Olanxol (Olanzapin 10mg)

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 11 năm 2023

Kính gửi: **SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI**

Lời đầu tiên, Công ty Cổ phần Dược Danapha xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý đơn vị đã hợp tác và tín nhiệm sử dụng các sản phẩm của chúng tôi trong suốt thời gian qua.

Căn cứ vào Quyết định số 1572/QĐ-SYT ngày 16/12/2022 của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai về việc Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu (lần 1) Gói thầu số 01: Thuốc generic.

Công ty Cổ phần Dược Danapha xin được thay đổi thông tin thuốc trúng thầu, cụ thể như sau:

Theo Quyết định số 352/QĐ-QLD ngày 25 tháng 05 năm 2023 Về việc ban hành Danh mục 231 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam – Đợt 184 của Cục Quản lý Dược (đính kèm theo công văn này), Công ty Cổ phần Dược Danapha được Cục Quản lý Dược cấp **Số đăng ký gia hạn** đối với mặt hàng **Olanxol**. Vì vậy, để thuận tiện cho việc cung cấp mặt hàng này đến các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố, Danapha xin được điều chỉnh thông tin về số đăng ký của thuốc trên Quyết định trúng thầu. Cụ thể như sau:

Tên thuốc	Tên hoạt chất	Hàm lượng	SDK trúng thầu	SDK thay đổi
Olanxol	Olanzapin	10mg	VD-26068-17	893110094623

Rất mong Quý đơn vị xem xét và chấp thuận.

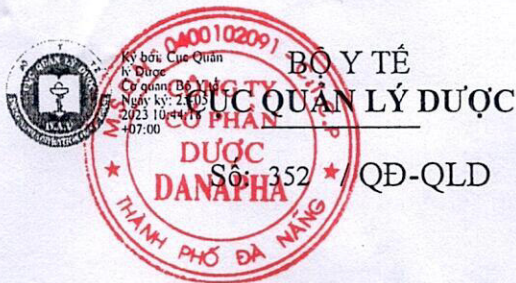
Xin trân trọng cảm ơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
TỔNG GIÁM ĐỐC



TS. Lê Thăng Bình

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu VT



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Danh mục 231 thuốc sản xuất trong nước
được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 184**

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 1969/QĐ-BYT ngày 26/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý Dược thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BYT ngày 05/09/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc;

Căn cứ kết luận của Hội đồng tư vấn cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc - Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đăng ký thuốc, Cục Quản lý Dược.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục 231 thuốc sản xuất trong nước được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 184, cụ thể:

1. Danh mục 172 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành hiệu lực 05 năm (*Phụ lục I kèm theo*).
2. Danh mục 52 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành hiệu lực 03 năm (*Phụ lục II kèm theo*).
3. Danh mục 07 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn đăng ký lưu hành đến 31/12/2025 (*Phụ lục III kèm theo*).

Điều 2. Cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký thuốc có trách nhiệm:

1. Sản xuất thuốc theo đúng các hồ sơ, tài liệu đã đăng ký với Bộ Y tế và phải in số đăng ký được Bộ Y tế Việt Nam cấp lên nhãn thuốc.
2. Chỉ được sản xuất, đưa ra lưu hành các thuốc kiểm soát đặc biệt khi có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược phạm vi kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt phù hợp với phạm vi hoạt động của cơ sở đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 143 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.
3. Thực hiện việc cập nhật tiêu chuẩn chất lượng của thuốc theo quy định tại Thông tư số 11/2018/TT-BYT ngày 04/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc.
4. Thực hiện, phối hợp với cơ sở nhập khẩu thực hiện theo đúng quy định tại Công văn số 5853/QLD-CL ngày 19/4/2019 của Cục Quản lý Dược về việc kiểm tra chất lượng nguyên liệu làm thuốc nhóm sartan đối với các thuốc thuộc danh mục tại Điều 1 ban hành kèm theo Quyết định này có chứa dược chất thuộc nhóm sartan
5. Thuốc được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Quyết định này nhưng chưa nộp hồ sơ cập nhật nội dung nhãn thuốc, tờ hướng dẫn sử dụng thuốc theo quy định của Thông tư 01/2018/TT-BYT ngày 18/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế thì phải thực hiện



cập nhật theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 37 Thông tư số 01/2018/TT-BYT trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được gia hạn giấy đăng ký lưu hành.

6. Sau 12 tháng kể từ ngày ký ban hành Quyết định này, các thuốc được gia hạn giấy đăng ký lưu hành theo Quyết định này có thay đổi về nội dung hành chính (bao gồm cả mẫu nhãn và tờ hướng dẫn sử dụng thuốc) phải sản xuất và lưu hành với các nội dung đã được phê duyệt thay đổi trong hồ sơ gia hạn.

7. Phối hợp với các cơ sở điều trị để thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về thuốc kê đơn, theo dõi an toàn, hiệu quả, tác dụng không mong muốn của thuốc trên người Việt Nam và tổng hợp, báo cáo theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 08/2022/TT-BYT đối với các thuốc trong mục I Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

8. Cơ sở đăng ký thuốc phải bảo đảm duy trì điều kiện hoạt động trong thời gian hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc. Trong trường hợp không còn đáp ứng đủ điều kiện hoạt động, cơ sở đăng ký phải có trách nhiệm thực hiện thay đổi cơ sở đăng ký theo quy định tại Thông tư số 08/2022/TT-BYT trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ sở đăng ký không còn đủ điều kiện hoạt động.

9. Cơ sở sản xuất thuốc phải bảo đảm các điều kiện hoạt động của cơ sở sản xuất trong thời hạn hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

10. Các thuốc được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Quyết định này được tiếp tục sử dụng số đăng ký đã cấp trước khi gia hạn trong thời hạn tối đa 12 tháng kể từ ngày được cấp số đăng ký gia hạn theo quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BYT.

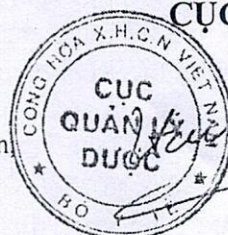
11. Các thuốc được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại mục II Phụ lục II Quyết định này sau khi hết hạn giấy đăng ký lưu hành, trong hồ sơ gia hạn nếu công ty không có dữ liệu lâm sàng chứng minh an toàn, hiệu quả của thuốc, Cục Quản lý Dược sẽ trình Hội đồng tư vấn cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc không tiếp tục gia hạn giấy đăng ký lưu hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Giám đốc cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký có thuốc tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- BT. Đào Hồng Lan (để b/c);
- TT. Đỗ Xuân Tuyên (để b/c);
- Cục Quân y - Bộ Quốc phòng, Cục Y tế - Bộ Công an;
- Cục Y tế GTVT - Bộ Giao thông vận tải;
- Tổng Cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Bộ Y tế: Vụ PC, Cục QLYDCT, Cục QLKCB, Thanh tra Bộ, Văn phòng HĐTV cấp GDKLH thuốc, NLLT;
- Viện KN thuốc TỰ, Viện KN thuốc TP. HCM;
- Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty CP;
- Các Bệnh viện, Viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Trung tâm mua sắm tập trung thuốc quốc gia;
- Cục QLD: P.QLKDD, P.QLCLT, P.PCTTra, P.QLGT;
- Website;
- Lưu: VT, DK (T) (02b).



CỤC TRƯỞNG

Vũ Tuấn Cường

Phụ lục I

DANH MỤC 172 THUỐC SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐƯỢC GIA HẠN GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM HIỆU LỰC 05 NĂM - ĐỢT 184

(Kèm theo Quyết định số: 352...../QĐ-QLD ngày 25 tháng 05 năm 2023 của Cục Quản lý Dược)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký gia hạn (Số đăng ký đã cấp)	Số lần gia hạn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

1. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (BIDIPHAR) (Địa chỉ: 498 Nguyễn Thái Học, Phường Quang Trung, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam)

1.2. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (BIDIPHAR) (Địa chỉ: 498 Nguyễn Thái Học, Phường Quang Trung, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam)

1	Augbidil	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin natri) 1g; Acid clavulanic (dưới dạng kali clavulanat) 200mg	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	BP 2010	24	893110092423 (VD-19318-13)	1
2	Bidimoxyl 500	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrat) 500mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Lọ 100 viên; Lọ 200 viên	ĐEVN IV	36	893110092523 (VD-19843-13)	1
3	Bocartin 50	Carboplatin 50mg	Thuốc tiêm đông khô	Hộp 01 lọ + 01 ống nước cất pha tiêm 5 ml	USP 39	24	893114092623 (VD-21240-14)	1
4	Epirubicin Bidiphar 10	Epirubicin hydroclorid 10mg/5ml	Dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ x 5 ml	BP 2021	24	893114092723 (QLĐB-636-17)	1
5	Bestdocel 80mg/4ml	Docetaxel 80mg/4ml	Dung dịch đậm đặc pha truyền tĩnh mạch	Hộp 1 lọ x 4 ml	USP 42	24	893114092823 (QLĐB-767-19)	1
6	Bleomycin Bidiphar	Bleomycin (dưới dạng bleomycin sulfat) 15 U	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ	USP42	24	893114092923 (QLĐB-768-19)	1
7	Cisplatin Bidiphar 10mg/20ml	Cisplatin 10mg/20ml	Dung dịch đậm đặc để pha truyền tĩnh mạch	Hộp 1 lọ x 20ml	BP2016	36	893114093023 (QLĐB-736-18)	1
8	Ninosat	Natri clorid 0,45g/50ml	Dung dịch xịt mũi	Hộp 1 lọ x 50ml	BP2020	36	893100093123 (VD-20422-14)	1
9	Triamcinolon	Triamcinolon acetonid 80mg/2ml	Hỗn dịch tiêm	Hộp 5 lọ x 2ml	BP2019	36	893110093223 (VD-23149-15)	1

1.2. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (BIDIPHAR) (Địa chỉ: Chi nhánh Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) – Nhà máy công nghệ cao Nhơn Hội: Lô A3.01-A3.02-A3.03, khu A Khu kinh tế Nhơn Hội, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký gia hạn (Số đăng ký đã cấp)	Số lần gia hạn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
10	Doxorubicin Bidiphar 50	Doxorubicin hydroclorid 50mg/25ml	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ x 25ml	BP 2019	24	893114093323 (QLĐB-693-18)	1
11	Ifosfamid bidiphar 1g	Ifosfamid 1g	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ	USP- NF2022	24	893114093423 (QLĐB-709-18)	1
12	Irinotecan Bidiphar 100mg/5ml	Irinotecan hydroclorid trihydrat 100mg/5ml	Dung dịch đậm đặc pha truyền	Hộp 01 lọ x 5ml	USP- NF2021	36	893114093523 (QLĐB-637-17)	1
13	Vinorelbin Bidiphar 10mg/1ml	Vinorelbin (dưới dạng vinorelbin tartrat) 10mg/1ml	Dung dịch đậm đặc pha truyền tĩnh mạch	Hộp 1 lọ x 1ml	USP- NF2022	24	893114093623 (QLĐB-696-18)	1

2. Cơ sở đăng ký: Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Trung ương Vidipha Bình Dương (Địa chỉ: 184/2 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

2.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương Vidipha (Địa chỉ: Khu phố Tân Bình, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

14	Gentacain	Gentamicin (Dưới dạng gentamicin sulfat) 80mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 50 Ống x 2ml	ĐDVN V	36	893110093723 (VD-26308-17)	1
15	Morphin (Morphin hydroclorid 10mg/ml)	Morphin hydroclorid 10mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 Ống x 1ml; Hộp 25 Ống x 1 ml	JP17	36	893111093823 (VD-24315-16)	1

3. Cơ sở đăng ký: Chi nhánh Resantis Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn (Địa chỉ: 702 Trường Sa, phường 14, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

3.1. Cơ sở sản xuất: Chi nhánh Resantis Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn (Địa chỉ: Số 1 VSIP, đường số 3, KCN Việt Nam Singapore, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

16	Ambroxol RVN	Ambroxol hydroclorid 30mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	36	893100093923 (VD-26489-17)	1
17	Bustidin 20	Trimetazidin dihydroclorid 20mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 30 viên	NSX	36	893110094023 (VD-24996-16)	1
18	Lipisel 10	Simvastatin 10mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110094123 (VD-25439-16)	1

4. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược Danapha (Địa chỉ: 253 Dững Sĩ Thanh Khê, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam)

4.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược Danapha (Địa chỉ: 253 Dững Sĩ Thanh Khê, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam)

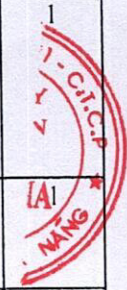
19	Calisamin	Glucosamin (Trương ứng với Glucosamin sulfat kali clorid 2,1g) 1250mg	Thuốc bột pha dung dịch uống	Hộp 30 gói x 4g	NSX	36	893100094223 (VD-18680-13)	1
----	-----------	---	------------------------------------	-----------------	-----	----	-------------------------------	---

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký gia hạn (Số đăng ký đã cấp)	Số lần gia hạn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
20	Cetirizin 10mg	Cetirizin hydroclorid 10mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vi x 10 viên; Hộp 3 vi x 10 viên; Hộp 5 vi x 10 viên	NSX	36	893100094323 (VD-19268-13)	1
21	Dalekine 500	Natri valproat 500mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	Hộp 1 lọ x 40 viên; Hộp 4 vi x 10 Viên	NSX	36	893114094423 (VD-18906-13)	1
22	Glucosix 850	Metformin hydroclorid 850mg	Viên nén bao phim	Hộp 5 vi x 10 viên	NSX	36	893110094523 (VD-22092-15)	1
23	Olanxol	Olanzapin 10mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	NSX	36	893110094623 (VD-26068-17)	1

5. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược Đồng Nai (Địa chỉ: Số 221 B, đường Phạm Văn Thuận, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam)

5.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược Đồng Nai (Địa chỉ: Số 221 B, đường Phạm Văn Thuận, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam)

24	Debutinat 200 mg	Trimebutin maleat 200mg	Viên nén	Hộp 02 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	NSX	36	893110094723 (VD-23448-15)	1
25	Docnotine	Sulpirid 50mg	Viên nén	Hộp 3vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên; Chai 100 viên; Chai 200 viên	NSX	36	893110094823 (VD-23449-15)	1
26	Piroxicam 10mg	Piroxicam 10mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vi x 10 viên; Chai 100 viên	NSX	36	893110094923 (VD-22749-15)	1
27	Thenadin	Alimemazin tartrat 5mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 25 viên	NSX	36	893100095023 (VD-23453-15)	1



6. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (Địa chỉ: 288 Bis, Nguyễn Văn Cừ, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam)

6.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang (Địa chỉ: Lô B2 - B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam)

28	Amoxicilin 500	Amoxicilin (dưới dạng amoxicilin trihydrat) 500mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vi x 10 viên, Chai 100 viên, Chai 200 viên, Chai 500 viên	ĐEVN phiên bản hiện hành	36	893110095123 (VD-24600-16)	1
29	Haginir 100	Cefdinir 100mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vi x 10 viên	NSX	36	893110095223 (VD-22765-15)	1
30	Hapacol 325	Paracetamol 325mg	Viên nén	Hộp 1 chai x 100 viên, hộp 10 vi x 10 viên, chai 400 viên	NSX	36	893100095323 (VD-20559-14)	1

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký gia hạn (Số đăng ký đã cấp)	Số lần gia hạn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

-Cách viết tắt các tiêu chuẩn chất lượng dược điển: Dược điển Việt Nam (ĐĐVN), Dược điển Anh (BP), Dược điển Mỹ (USP), Dược điển Nhật Bản (JP), Dược điển Trung Quốc (CP), Dược điển Châu Âu (EP), Dược điển Quốc tế (IP)...

2. Số đăng ký tại cột (8):

- Số đăng ký gia hạn là số đăng ký được cấp theo quy định tại Phụ lục VI Thông tư 08/2022/TT-BYT ngày 05/09/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

- Số đăng ký đã cấp (được ghi trong ngoặc đơn) là số đăng ký đã được cấp trước khi thuốc được gia hạn theo quyết định này.

- Các thuốc đã được cấp số đăng ký lần đầu trước ngày 01 tháng 01 năm 2023 được gia hạn giấy đăng ký lưu hành thì được tiếp tục sử dụng số đăng ký đã cấp trước khi gia hạn trong thời hạn tối đa 12 tháng kể từ ngày được cấp số đăng ký theo cấu trúc mới.



Trực tiếp Brazil vs Argentina vào...Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế

dichvucong.dav.gov.vn/congbogiathuoc/index

844.37366483 | cqldvn@moh.gov.vn

Đăng nhập | ĐĂNG KÝ

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

TRANG CHỦTHỦ TỤC HÀNH CHÍNHHỆ THỐNG BÁO CÁOKHIẾU NẠI VỀ VẮC XINLIÊN HỆ

TRA CỨU GIÁ THUỐC

TẤT CẢ - vd-26068-17

TÌM KIẾMĐẶT LẠI

NGÀY KẾ KHAI	TRẠNG THÁI	VĂN BẢN KIẾN NGHỊ	TÊN THUỐC	TÊN HC	NĐ/HL	SỐ GPLH/GPNK	DẠNG BẢO CHẾ	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI	ĐVT	GIÁ BÁN BUÔN DỰ KIẾN (VNĐ) (VAT)	GIÁ BÁN LẺ DỰ KIẾN (THEO ĐỀ XUẤT CỦA DOANH NGHIỆP) (VNĐ) (VAT)	CƠ SỞ SX	MƯỚC SX
31/08/2017	Đã rà soát, không có văn bản		Olanxol	Olanzapin 10 mg - 10 mg		VD-26068-17		Hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao phim	Viên	2,700		Công ty cổ phần dược Danapha	Việt Nam
17/02/2017	Đã rà soát, không có văn bản		Olanxol	Olanzapin 10 mg - 10 mg		VD-26068-17		Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	2,700		Công ty cổ phần dược Danapha	Việt Nam

8:39 AM 11/22/2023